

tự, dệt kim hoặc móc thuộc **nhóm 58.07**.

(c) Vải thêu thuộc **nhóm 58.10**.

(d) Vải thuộc **Chương 59** (Ví dụ: vải đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc **nhóm 59.03** hoặc **59.07**, vải cao su hóa thuộc **nhóm 59.06** và bắc hoặc vải dùng làm mạng đèn măng sông thuộc **nhóm 59.08**).

(e) Các mặt hàng hoàn thiện theo nghĩa của Chú giải 7 Phần XI (xem cả Phần (II) Chú giải tổng quát của Phần).

Chương 61

Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc

Chú giải.

1. Chương này chỉ áp dụng với mặt hàng may mặc sẵn được dệt kim hoặc móc.

2. Chương này không bao gồm:

(a) Những mặt hàng thuộc nhóm 62.12;

(b) Quần áo hoặc các sản phẩm may mặc đã qua sử dụng khác thuộc nhóm 63.09; hoặc

(c) Dụng cụ chỉnh hình, đai thắt phẫu thuật, băng giữ hoặc loại tương tự (nhóm 90.21).

3. Theo mục đích của các nhóm 61.03 và 61.04:

(a) Khái niệm "bộ com-lê" có nghĩa là một bộ quần áo có hai hoặc ba chiếc may sẵn, có lớp ngoài may bằng cùng một loại vải và bao gồm:

- một áo vét hoặc jacket có lớp ngoài, trừ tay áo, gồm từ 4 mảnh trở lên, được thiết kế để che phần trên của cơ thể, có thể kèm theo một áo gilê có hai thân trước may bằng loại vải giống hệt như lớp ngoài của những chiếc khác trong cùng bộ và thân sau may bằng loại vải giống hệt như lớp vải lót của áo vét hoặc jacket; và

- một bộ trang phục được thiết kế để che phần dưới của cơ thể và bao gồm một quần dài, quần ống chẽn hoặc quần soóc (trừ quần bơi), chân váy hoặc chân váy dạng quần; không có yếm cũng như dây đeo.

Tất cả các bộ phận cấu thành của một "bộ com-lê" phải may bằng cùng một loại vải, cùng màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng cũng phải có cùng kiểu dáng và có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Tuy nhiên, các bộ phận này có thể có các dải viền (dải bằng vải khâu vào đường nối) bằng loại vải khác.

Nếu một vài thành phần riêng biệt để che phần dưới của cơ thể được trình bày cùng nhau (ví dụ, hai quần dài hoặc quần dài kèm quần soóc, hoặc chân váy hoặc chân váy dạng quần kèm quần dài), thì bộ phận cấu thành của phần dưới là một quần dài hoặc, đối với trường hợp bộ com-lê của phụ nữ hoặc trẻ em gái, là chân váy hoặc chân váy dạng quần, các hàng may mặc khác được xem xét một cách riêng rẽ.

Khái niệm "bộ com-lê" kể cả những bộ quần áo dưới

crocheted, of **heading 58.07**.

(c) Embroidered fabrics of **heading 58.10**.

(d) Fabrics of **Chapter 59** (e.g., impregnated, coated, covered or laminated fabrics of **heading 59.03** or **59.07**, rubberised fabrics of **heading 59.06**, andwicks or gas mantle fabric of **heading 59.08**).

(e) Made up articles within the meaning of Note 7 to Section XI (see also Part (II) of the General Explanatory Note to the Section).

Chapter 61

Articles of apparel and clothing accessories, knitted or crocheted

Notes.

1. This Chapter applies only to made up knitted or crocheted articles.

2. This Chapter does not cover:

(a) Goods of heading 62.12;

(b) Worn clothing or other worn articles of heading 63.09; or

(c) Orthopaedic appliances, surgical belts, trusses or the like (heading 90.21).

3. For the purposes of headings 61.03 and 61.04:

(a) The term "suit" means a set of garments composed of two or three pieces made up, in respect of their outer surface, in identical fabric and comprising:

- one suit coat or jacket the outer shell of which, exclusive of sleeves, consists of four or more panels, designed to cover the upper part of the body, possibly with a tailored waistcoat in addition whose front is made from the same fabric as the outer surface of the other components of the set and whose back is made from the same fabric as the lining of the suit coat or jacket; and

- one garment designed to cover the lower part of the body and consisting of trousers, breeches or shorts (other than swimwear), a skirt or a divided skirt, having neither braces nor bibs.

All of the components of a "suit" must be of the same fabric construction, colour and composition; they must also be of the same style and of corresponding or compatible size. However, these components may have piping (a strip of fabric sewn into the seam) in a different fabric.

If several separate components to cover the lower part of the body are presented together (for example, two pairs of trousers or trousers and shorts, or a skirt or divided skirt and trousers), the constituent lower part shall be one pair of trousers or, in the case of women's or girls' suits, the skirt or divided skirt, the other garments being considered separately.

The term "suit" includes the following sets of

đây, dù có hoặc không có đủ các điều kiện nêu trên:

- bộ lễ phục ban ngày, gồm một áo jacket trơn (áo khoác dài) có vạt sau tròn trễ xuống và một quần sọc;

- bộ lễ phục buổi tối (áo đuôi tôm) thường bằng vải màu đen, áo jacket tương đối ngắn ở phía trước, không cài khuy, vạt áo hẹp được cắt đến ngang hông và trễ xuống ở phía sau;

- bộ jacket dạ tiệc, trong đó có một jacket giống kiểu jacket thông thường (mặc dù loại áo này có thể để lộ mặt trước áo sơ mi nhiều hơn), nhưng có ve áo làm bằng lụa bóng tơ tằm hoặc giả tơ tằm.

(b) Khái niệm "bộ quần áo đồng bộ" có nghĩa là bộ quần áo (trừ bộ com-lê và quần áo thuộc nhóm 61.07, 61.08 hoặc 61.09), gồm một số chiếc được may sẵn bằng cùng một loại vải, được xếp bộ để bán lẻ, và bao gồm:

- một áo được thiết kế để che phần trên của cơ thể, trừ áo chui đầu là chiếc áo thứ hai mặc trong của bộ áo kép, và một áo gilê cũng tạo thành một chiếc áo thứ hai, và

- một hoặc hai loại trang phục khác nhau, được thiết kế để che phần dưới của cơ thể và gồm có quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn, quần soóc (trừ đồ bơi), chân váy hoặc chân váy dạng quần.

Tất cả các bộ phận của một bộ quần áo đồng bộ phải được may bằng cùng một loại vải, cùng kiểu cách, màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng phải có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Khái niệm "bộ quần áo đồng bộ" không bao gồm bộ quần áo thể thao hoặc bộ quần áo trượt tuyết, thuộc nhóm 61.12.

4. Các nhóm 61.05 và 61.06 không bao gồm các loại áo có túi ở phía dưới thắt lưng, có dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc có dây, đai khác thắt ở gấu áo, hoặc loại áo có bình quân dưới 10 mũi khâu/1 cm dài theo mỗi chiều tính trên một đơn vị diện tích ít nhất là 10 cm x 10 cm. Nhóm 61.05 không bao gồm áo không tay.

"Sơ mi" và "sơ mi cách điệu" là áo được thiết kế để che phần trên của cơ thể, có tay áo dài hoặc ngắn và có thiết kế để mở toàn bộ hoặc một phần áo từ cổ áo. "Áo blouse" là loại áo rộng cũng được thiết kế để che phần trên của cơ thể nhưng có thể không có tay áo và có hoặc không có phần mở cổ áo. "Sơ mi", "sơ mi cách điệu" và "áo blouse" cũng có thể có cổ áo.

5. Nhóm 61.09 không bao gồm áo có dây rút, dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc dây đai khác thắt ở gấu.

6. Theo mục đích của nhóm 61.11:

(a) Khái niệm "quần áo và phụ kiện may mặc dùng cho trẻ em" chỉ các sản phẩm dùng cho trẻ có chiều cao không quá 86 cm;

garments, whether or not they fulfil all the above conditions:

- morning dress, comprising a plain jacket (cutaway) with rounded tails hanging well down at the back and striped trousers;

- evening dress (tailcoat), generally made of black fabric, the jacket of which is relatively short at the front, does not close and has narrow skirts cut in at the hips and hanging down behind;

- dinner jacket suits, in which the jacket is similar in style to an ordinary jacket (though perhaps revealing more of the shut front), but has shiny silk or imitation silk lapels.

(b) The term "ensemble" means a set of garments (other than suits and articles of heading 61.07, 61.08 or 61.09), composed of several pieces made up in identical fabric, put up for retail sale, and comprising:

- one garment designed to cover the upper part of the body, with the exception of pullovers which may form a second upper garment in the sole context of twin sets, and of waistcoats which may also form a second upper garment, and

- one or two different garments, designed to cover the lower part of the body and consisting of trousers, bib and brace overalls, breeches, shorts (other than swimwear), a skirt or a divided skirt.

All of the components of an ensemble must be of the same fabric construction, style, colour and composition; they also must be of corresponding or compatible size. The term "ensemble" does not apply to hack suits or ski suits, of heading 61.12.

4. Headings 61.05 and 61.06 do not cover garments with pockets below the waist, with a ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment, or garments having an average of less than 10 stitches per linear centimetre in each direction counted on an area measuring at least 10 cm x 10 cm. Heading 61.05 does not cover sleeveless garments.

"Shirts" and "shirt-blouses" are garments designed to cover the upper part of the body, having long or short sleeves and a full or partial opening starting at the neckline. "Blouses" are loose-fitting garments also designed to cover the upper part of the body but may be sleeveless and with or without an opening at the neckline. "Shirts", "shirt-blouses" and "blouses" may also have a collar.

5. Heading 61.09 does not cover garments with a drawstring, ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment.

6. For the purposes of heading 61.11:

(a) The expression "babies" garments and clothing accessories" means articles for young children of a body height not exceeding 86 cm;

(b) Những mặt hàng mà, thoạt nhìn, có thể vừa xếp vào nhóm 61.11, vừa xếp được vào các nhóm khác của Chương này phải được xếp vào nhóm 61.11.

7. Theo mục đích của nhóm 61.12, “bộ quần áo trượt tuyết” có nghĩa là quần, áo hoặc bộ quần áo mà, theo hình thức và chất vải, chúng có thể nhận biết được qua mục đích sử dụng chủ yếu là mặc khi trượt tuyết (trượt tuyết băng đồng hoặc trượt tuyết đồ dốc). Gồm có:

(a) một “bộ đồ trượt tuyết liền quần”, là một bộ đồ liền được thiết kế để che phần trên và dưới của cơ thể; bộ đồ trượt tuyết liền quần có thể có túi hoặc dây đai chân ngoài tay áo và cổ áo; hoặc

(b) một “bộ đồ trượt tuyết đồng bộ”, là bộ quần áo gồm hai hoặc ba chiếc, được xếp bộ để bán lẻ và bao gồm:

- một áo như kiểu áo khoác có mũ trùm, áo chắn gió, áo jacket chắn gió hoặc loại tương tự, được cài bằng khoá rút (khóa kéo), có thể kèm thêm một áo gilê, và

- một quần có cạp cao hơn hoặc không cao quá thắt lưng, một quần ống chèn hoặc một quần yếm và quần có dây đeo.

“Bộ đồ trượt tuyết đồng bộ” có thể cũng bao gồm một áo liền quần tương tự như loại áo đã nêu ở mục (a) trên và một kiểu áo jacket có lót đệm, không có ống tay mặc ở ngoài bộ áo liền quần.

Tất cả các bộ phận của một “bộ đồ trượt tuyết đồng bộ” phải được may bằng cùng loại vải, kiểu dáng và thành phần nguyên liệu dù đồng màu hay khác màu; chúng cũng phải có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau.

8. Loại quần áo mà, *thoạt nhìn*, có thể vừa xếp được vào nhóm 61.13 và vừa xếp được vào các nhóm khác của Chương này, trừ nhóm 61.11, thì được xếp vào nhóm 61.13.

9. Quần áo thuộc Chương này được thiết kế để cài thân trước từ trái qua phải được coi là quần áo nam giới hoặc trẻ em trai, và quần áo được thiết kế để cài thân trước từ phải qua trái được coi là quần áo phụ nữ hoặc trẻ em gái. Những quy định này không áp dụng cho những loại quần áo mà cách cắt may của chúng thể hiện rõ ràng là dùng cho nam hoặc nữ.

Quần áo không thể nhận biết được là quần áo nam hoặc nữ thì được xếp vào nhóm quần áo phụ nữ hoặc trẻ em gái.

10. Các mặt hàng của Chương này có thể được làm bằng sợi kim loại.

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm hàng may mặc sẵn, của nam, trẻ em trai, và nữ-, hoặc trẻ em gái được dệt kim hoặc móc và đồ phụ trợ, đã hoàn chỉnh, được dệt kim hoặc móc. Chương này cũng bao gồm các bộ phận, đã hoàn chỉnh, được dệt kim hoặc móc, của quần áo hoặc đồ phụ trợ may mặc. Tuy nhiên, Chương này **không bao gồm** xu chiêng, gen, áo nịt ngực, dây đeo

(b) Articles which are, *prima facie*, classifiable both in heading 61.11 and in other headings of this Chapter are to be classified in heading 61.11.

7. For the purposes of heading 61.12, “ski suits” means garments or sets of garments which, by their general appearance and texture, are identifiable as intended to be worn principally for skiing (cross - country or alpine). They consist either of:

(a) a “ski overall”, that is, a one-piece garment designed to cover the upper and the lower parts of the body; in addition to sleeves and a collar the ski overall may have pockets or footstraps; or

(b) a “ski ensemble”, that is, a set of garments composed of two or three pieces, put up for retail sale and comprising:

- one garment such as an anorak, wind-cheater, wind-jacket or similar article, closed by a slide fastener (zipper), possibly with a waistcoat in addition, and

- one pair of trousers whether or not extending above waist-level, one pair of breeches or one bib and brace overall.

The “ski ensemble” may also consist of an overall similar to the one mentioned in paragraph (a) above and a type of padded, sleeveless jacket worn over the overall.

All the components of a “ski ensemble” must be made up in a fabric of the same texture, style and composition whether or not of the same colour; they also must be of corresponding or compatible size.

8. Garments which are, *prima facie*, classifiable both in heading 61.13 and in other headings of this Chapter, excluding heading 61.11, are to be classified in heading 61.13.

9. Garments of this Chapter designed for left over right closure at the front shall be regarded as men’s or boys’ garments, and those designed for right over left closure at the front as women’s or girls’ garments. These provisions do not apply where the cut of the garment clearly indicates that it is designed for one or other of the sexes.

Garments which cannot be identified as either men’s or boys’ garments or as women’s or girls’ garments are to be classified in the headings covering women’s or girls’ garments.

10. Articles of this Chapter may be made of metal thread.

GENERAL

This Chapter covers made up knitted or crocheted men’s boys’, women’s or girls’ articles of apparel and made up knitted or crocheted accessories for articles of apparel. It also includes made up knitted or crocheted parts of apparel or clothing accessories. However, it **does not include** brassières, girdles, corsets, braces, suspenders, garters or similar articles or parts thereof, knitted or

quần, dây móc bút tất, nịt tất-, hoặc các sản phẩm tương tự hoặc các bộ phận của chúng, được dệt kim hoặc móc (**nhóm 62.12**).

Việc phân loại hàng hóa trong Chương này không bị ảnh hưởng do sự hiện diện của các bộ phận hoặc đồ phụ trợ, ví dụ như: vải dệt thoi, da lông, lông vũ, da thuộc, plastic hoặc kim loại. Tuy nhiên, khi sự hiện diện của các vật liệu cấu thành này **vượt quá mục đích dùng làm trang trí thuần túy**, thì các sản phẩm này được phân loại dựa theo các Chú giải Chương liên quan (đặc biệt là Chú giải 4 của Chương 43 và Chú giải 2(b) của Chương 67, liên quan đến sự hiện diện của da lông và lông vũ), hoặc ngoài ra, thì theo các Quy tắc phân loại (GIR).

Các sản phẩm đã được xử lý bằng cách làm nóng bằng điện vẫn thuộc Chương này.

Bằng cách áp dụng Chú giải 9 của Chương này, quần áo có thân trước mở, được cài hoặc gổ lên nhau theo chiều từ trái sang phải được coi là quần áo của nam giới hay trẻ em trai, và quần áo có thân trước mở, được cài hoặc gổ lên nhau theo chiều từ phải sang trái được coi là quần áo của phụ nữ hoặc trẻ em gái.

Các quy định này không áp dụng cho những quần áo mà cách cắt may của chúng thể hiện rõ ràng là dùng cho nam hoặc nữ. Quần áo mà không thể phân biệt được là dùng cho nam hoặc nữ thì được xếp vào nhóm dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.

Bằng cách áp dụng Chú giải 14 của Phần XI, quần áo thuộc các nhóm khác nhau sẽ được phân loại theo các nhóm phù hợp của từng loại ngay cả khi đã sắp xếp theo bộ để bán lẻ. Tuy nhiên, Chú giải này không áp dụng cho các loại áo quần đã sắp xếp theo bộ mà đã được đề cập một cách chi tiết trong phần mô tả nhóm, ví dụ như: bộ comple, bộ quần áo ngủ, bộ đồ bơi. Chúng ta nên lưu ý rằng, đối với việc áp dụng Chú giải 14 của Phần XI, khái niệm "hàng dệt may sẵn" nghĩa là các hàng hóa của các nhóm từ 61.01 đến 61.14.

Chương này cũng bao gồm các sản phẩm chưa hoàn thiện hoặc chưa hoàn chỉnh được mô tả sau đây, kể cả vải dệt kim hoặc móc đã được định hình để tạo thành các sản phẩm nói trên. Miễn là các loại vải đã được định hình này có đặc trưng cơ bản của các sản phẩm liên quan, thì chúng được phân loại vào cùng nhóm của các sản phẩm hoàn chỉnh. Tuy nhiên, các bộ phận được móc của áo quần hoặc của đồ phụ trợ may mặc (trừ các chi tiết như vạt thuộc **nhóm 62.12**) được phân loại trong **nhóm 61.17**.

Quần áo, hàng may mặc, đồ phụ trợ hoặc các chi tiết của chúng đã được dệt kim hoặc móc thành các hình dạng, hoặc được trình bày ở dạng các chi tiết riêng biệt hoặc ở dạng một số các chi tiết gắn thành một dải, được xem như là sản phẩm hoàn thiện (Chú giải 7 (b) và 7 (g) của Phần XI)

Chương này **không bao gồm**:

(a) Quần áo và đồ phụ trợ may mặc thuộc các **nhóm 39.26, 40.15, 42.03** hoặc **68.12**.

crocheted (**heading 62.12**).

The classification of goods in this Chapter is not affected by the presence of parts or accessories of, for example, woven fabrics, furskin, feathers, leather, plastics or metal. Where, however, the presence of these materials constitutes **more than mere trimming** the articles are classified in accordance with the relative Chapter Notes (particularly Note 4 to Chapter 43 and Note 2 (b) to Chapter 67, relating to the presence of furskin and feathers, respectively), or failing that, according to the General Interpretative Rules.

Electrically heated articles remain in tills Chapter.

By application of the provisions of Note 9 to this Chapter garments having a front opening which fastens or overlaps left over right are considered to be garments for men or boys. When the opening fastens or overlaps right over left these garments are considered to be garments for women or girls.

These provisions do not apply where the cut of the garment clearly indicates that it is designed for one or the other of the sexes. Garments which cannot be identified as either men's or boys' garments or women's or girls' garments are to be classified in the headings covering women's or girls' garments.

By application of Note 14 to Section XI, garments of different headings are to be classified in their own headings even if put up in sets for retail sale. This, however, does not apply to garments put up in sets which are specifically mentioned in the heading texts, for example, suits, pyjamas, swimwear. It should be noted that, for the application of Note 14 to Section XI, the expression "textile garments" means garments of headings 61.01 to 61.14.

This Chapter also covers unfinished or incomplete articles of the kind described therein, including shaped knitted or crocheted fabric for making such articles. Provided these products have the essential character of the articles concerned, they fall in the same headings as the finished articles. However, crocheted parts of garments or of clothing accessories (other than those of **heading 62.12**) are classified in **heading 61.17**.

Garments, clothing, accessories, or parts thereof, knitted or crocheted to shape, whether presented as separate items or in the form of a number of items in the length, are regarded as made up articles (Notes 7 (b) and 7 (g) to Section XI).

The Chapter also **excludes**:

(a) Articles of apparel and clothing accessories of **heading 39.26, 40.15, 42.03** or **68.12**.

(b) Miếng vải dệt kim hoặc móc đã trải qua 1 vài công đoạn gia công (như làm đường viền hoặc tạo đường viền cổ áo), dùng để sản xuất áo quần nhưng chưa được hoàn thiện đầy đủ để được xem như áo quần hoặc các chi tiết của áo quần (**nhóm 63.07**).

(c) Quần áo hoặc các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác thuộc **nhóm 63.09**.

(d) Áo quần cho búp bê (**nhóm 95.03**).

o
o o

Chú giải phân nhóm.

Việc phân loại các sản phẩm làm từ sản phẩm dệt may đã chần dạng chiếc thuộc nhóm 58.11.

Các sản phẩm làm từ sản phẩm dệt may đã chần dạng chiếc thuộc nhóm 58.11 được phân loại vào các phân nhóm của các nhóm thuộc Chương này theo Chú giải phân nhóm 2 của Phần XI. Theo mục đích phân loại các sản phẩm này, các vật liệu dệt của phần vải bọc ngoài tạo nên những đặc trưng cơ bản cho các sản phẩm. Điều này có nghĩa là ví dụ như, áo khoác có mũ trùm của đàn ông may đã chần có lớp vải ngoài dệt kim làm từ 60% bông và 40% polyeste, sản phẩm này được phân vào phân nhóm 6101.20. Lưu ý rằng, mặc dù vải ngoài bản thân nó được phân vào nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07 thì chiếc áo quần này không nằm trong nhóm 61.13

61.01 - Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03.

6101.20 - Từ bông

6101.30 - Từ sợi nhân tạo

6101.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm các loại áo dệt kim hoặc móc dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, có đặc điểm là chúng thường mặc phủ bên ngoài lên tất cả loại áo khác để chống lại tác động thời tiết.

Bao gồm:

Áo khoác dài, áo đi mưa, áo khoác mặc khi đi xe, áo khoác không tay kể cả áo khoác pôn-sô, áo choàng không tay, áo khoác có mũ kể cả áo jacket trượt tuyết, áo gió, áo Jacket chống gió và các loại áo tương tự như áo choàng 3/4 (three - quarter), áo bánh tô, áo khoác không tay có mũ trùm đầu, áo choàng làm từ vải len thô, áo choàng mặc khi đào đắp, áo ga-ba-đin (áo paca), áo gi lê độn bông.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Quần áo thuộc **nhóm 61.03**.

(b) Quần áo hoàn chỉnh được làm từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc các nhóm 59.03, 59.06 hoặc

(b) Pieces of knitted or crocheted fabric which have undergone some working (such as hemming or the formation of necklines), intended for the manufacture of garments but not yet sufficiently completed to be identifiable as garments or parts of garments (**heading 63.07**).

(c) Worn clothing and other worn articles of **heading 63.09**.

(d) Garments for dolls (**heading 95.03**).

o
o o

Subheading Explanatory Note.

Classification of articles made from quilted textile products in the piece of heading 58.11

Articles made from the quilted textile products in the piece of heading 58.11 are to be classified within the subheadings of the headings of this Chapter under the provisions of Subheading Note 2 to Section XI. For the purposes of their classification, it is the textile material of the outer fabric which gives these articles their essential character. This means that where, for example, a man's quilted anorak has a knitted outer fabric of 60% cotton and 40% polyester, the garment falls in subheading 6101.20. It should be noted that, even if the outer fabric by itself falls in heading 59.03, 59.06 or 59.07, the garment does not fall in heading 61.13.

61.01 - Men's or boys' overcoats, car-coats, capes, cloaks, anoraks (including ski-jackets), wind-cheaters, wind-jackets and similar articles, knitted or crocheted, other than those of heading 61.03.

6101.20 - Of cotton

6101.30 - Of man-made fibres

6101.90 - Of other textile materials

This heading covers a category of knitted or crocheted garments for men or boys, characterised by the fact that they are generally worn over all other clothing for protection against the weather.

It includes:

Overcoats, raincoats, car-coats, capes including ponchos, cloaks, anoraks including ski-jackets, wind-cheaters, wind-jackets and similar articles, such as three-quarter coats, greatcoats, hooded capes, duffel coats, trench, coats, gabardines, parkas, padded waistcoats.

The heading **does not include**:

(a) Garments of **heading 61.03**.

(b) Garments made up of knitted or crocheted fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07 (**heading 61.13**).

59.07 (nhóm 61.13).

61.02 - Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04.

6102.10 - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6102.20 - Từ bông

6102.30 - Từ sợi nhân tạo

6102.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Những quy định của Chú giải chi tiết nhóm 61.01 được áp dụng *tương tự nhưng phải có sự sửa đổi sao cho phù hợp* đối với các sản phẩm của nhóm này.

61.03 - Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.

6103.10 - Bộ com-lê

- Bộ quần áo đồng bộ:

6103.22 - - Từ bông

6103.23 - - Từ sợi tổng hợp

6103.29 - - Từ các vật liệu dệt khác

- Áo jacket và blazer:

6103.31 - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6103.32 - - Từ bông

6103.33 - - Từ sợi tổng hợp

6103.39 - - Từ các vật liệu dệt khác

- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc:

6103.41 - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6103.42 - - Từ bông

6103.43 - - Từ sợi tổng hợp

6103.49 - - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này chỉ bao gồm bộ com-lê và bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo Blazer, quần dài, quần ống chên và quần soóc (trừ bộ đồ bơi) và các loại quần yếm có dây đeo dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.

(A) Theo mục đích của Chú giải 3 (a) của Chương này, chúng ta cũng nên lưu ý rằng:

(a) "áo vét hoặc jacket" được thiết kế để che phần trên của cơ thể có thân trước mở hoàn toàn không có cài hoặc có cài, trừ khoá rút (khóa kéo). Nó không dài quá nửa bắp đùi và không dùng để mặc bên ngoài phủ lên áo khoác, áo jacket hoặc áo blazer khác;

(b) "những mảnh" (tối thiểu phải có 2 mảnh ở đằng trước và 2 mảnh ở đằng sau) tạo thành lớp ngoài của áo vét hoặc jacket phải được may lại với nhau theo

61.02 - Women's or girls' overcoats, car-coats, capes, cloaks, anoraks (including ski-jackets), wind-cheaters, wind-jackets and similar articles, knitted or crocheted, other than those of heading 61.04.

6102.10 - Of wool or fine animal hair

6102.20 - Of cotton

6102.30 - Of man-made fibres

6102.90 - Of other textile materials

The provisions of the Explanatory Note to heading 61.01 apply *mutatis mutandis* to the articles of this heading.

61.03 - Men's or boys' suits, ensembles, jackets, blazers, trousers, bib and brace overalls, breeches and shorts (other than swimwear), knitted or crocheted.

6103.10 - Suits

- Ensembles:

6103.22 - - Of cotton

6103.23 - - Of synthetic fibres

6103.29 - - Of other textile materials

- Jackets and blazers:

6103.31 - - Of wool or fine animal hair

6103.32 - - Of cotton

6103.33 - - Of synthetic fibres

6103.39 - - Of other textile materials

- Trousers, bib and brace overalls, breeches and shorts:

6103.41 - - Of wool or fine animal hair

6103.42 - - Of cotton

6103.43 - - Of synthetic fibres

6103.49 - - Of other textile materials

This heading covers only men's or boy's knitted or crocheted suits and ensembles, jackets, blazers, trousers, breeches and shorts (other than swimwear) and bib and brace type overalls.

(A) For the purposes of Chapter Note 3 (a), it should be noted that:

(a) the "suit coat or jacket" designed to cover the upper part of the body has a full front opening without a closure or with a closure other than a slide fastener (zipper). It does not extend below the mid-thigh area and is not for wear over another coat, jacket or blazer;

(b) the "panels" (at least two in front and two at the back) making up the outer shell of the suit coat or jacket must be sewn together lengthwise. For this purpose the

chiều dọc. Theo mục đích này, thuật ngữ "những mảnh" được hiểu là không bao gồm tay áo, những lớp vải ngoài, cổ áo, nếu có;

(c) một "áo gi-lê" có thân trước may bằng cùng một loại vải giống lớp vải ngoài của những chiếc khác trong cùng bộ và có thân sau may bằng loại vải giống lớp vải lót của áo vét hoặc jacket, cũng có thể bao gồm trong bộ.

Tất cả các bộ phận cấu thành của một "bộ com-lê" phải may bằng cùng một loại vải, cùng màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng cũng phải có cùng kiểu cách, và có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Tuy nhiên, các bộ phận này có thể có dải viền (một dải vải được khâu vào đường nối) bằng một loại vải khác.

Nếu một vải thành phần riêng biệt để che phần dưới của cơ thể được trình bày cùng nhau (ví dụ, hai quần dài hoặc quần dài kèm quần soóc), thì bộ phận cấu thành phần dưới của bộ com-lê sẽ là một quần dài, các hàng may mặc khác được xem xét một cách riêng rẽ.

Theo mục đích của Chú giải 3 (a) của Chương, thuật ngữ "cùng một loại vải" được hiểu là một loại vải duy nhất, chúng phải là:

- vải có cùng cấu trúc, như là, nó được tạo ra bằng kỹ thuật liên kết sợi giống nhau (có kích thước đường khâu như nhau); và cấu trúc, độ mảnh (ví dụ, số decitex) của sợi được sử dụng cũng phải như nhau;

- vải có cùng màu sắc (thậm chí kể cả sự đậm nhạt và kiểu màu); nhóm này bao gồm cả các loại vải làm từ các sợi đã được nhuộm màu khác nhau và vải đã in;

- vải có cùng thành phần nguyên liệu, như là, tỷ lệ phần trăm nguyên liệu dệt được sử dụng trong vải (ví dụ, 100% tỷ trọng là lông cừu, 51 % tỷ trọng là sợi tổng hợp và 49% tỷ trọng là bông) phải như nhau.

(B) Khái niệm "bộ quần áo đồng bộ của nam giới hoặc trẻ em trai" có nghĩa là một bộ quần áo (trừ bộ com-lê và quần áo thuộc **nhóm 61.07, 61.08 hoặc 61.09**), gồm một số chiếc được may sẵn bằng cùng một loại vải, được xếp bộ để bán lẻ, và bao gồm:

- một áo được thiết kế để che phần trên của cơ thể, trừ áo chui đầu là chiếc áo thứ hai mặc trong của bộ áo kếp, và những chiếc áo gi-lê cũng làm thành một- chiếc áo che phần trên thứ hai, và

- một hoặc hai loại trang phục khác nhau, được thiết kế để che phần dưới của cơ thể và gồm có quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn, quần soóc (trừ đồ bơi).

Tất cả các bộ phận của một bộ quần áo đồng bộ phải được may bằng cùng một loại vải, có cùng kiểu cách, màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng cũng phải có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Khái niệm "bộ quần áo đồng bộ" **không áp dụng cho** bộ quần áo thể thao và bộ quần áo trượt tuyết, thuộc **nhóm 61.12**. (xem Chú giải 3 (b) của Chương).

term "panels" does not include sleeves, facings or collar, if any;

(c) a "tailored waistcoat", whose front is made from the same fabric as the outer surface of the other components of the set and whose back is made from the same fabric as the lining of the suit coat or jacket, may also be included in the set.

All of the components of a "suit" must be of the same fabric construction, colour and composition; they must also be of the same style and of corresponding or compatible size. However, these components may have piping (a strip of fabric sewn into the seam) in a different fabric.

If several separate components to cover the lower part of the body are presented together (e.g., two pairs of trousers or trousers and shorts), the constituent lower part shall be one pair of trousers, the other garments being considered separately.

For the purposes of Chapter Note 3 (a), the expression "identical fabric" means a single identical fabric, i.e., the fabric must be:

- of the same construction, i.e., it must be obtained by the same yarn- bonding technique (having the same stitch size) and the structure and measurement (e.g., the decitex number) of the yarns used must also be the same;

- of the same colour (even the same shade and pattern of colour); this includes fabrics of different-coloured yarns and printed fabrics;

- of the same composition, i.e., the percentage of the textile materials used (e.g., 100 % by weight of wool, 51 % by weight of synthetic fibres, 49 % by weight of cotton) must be the same.

(B) The term "men's or boys' ensemble" means a set of garments (**other than** suits and articles of **heading 61.07, 61.08 or 61.09**), composed of several pieces made up in identical fabric, put up for retail sale, and comprising:

- one garment designed to cover the upper part of the body, with the exception of pullovers which may form a second upper garment in the sole context of twin sets, and of waistcoats which may also form a second upper garment, and

- one or two different garments, designed to cover the lower part of the body and consisting of trousers, bib and brace overalls, breeches or shorts (other than swimwear).

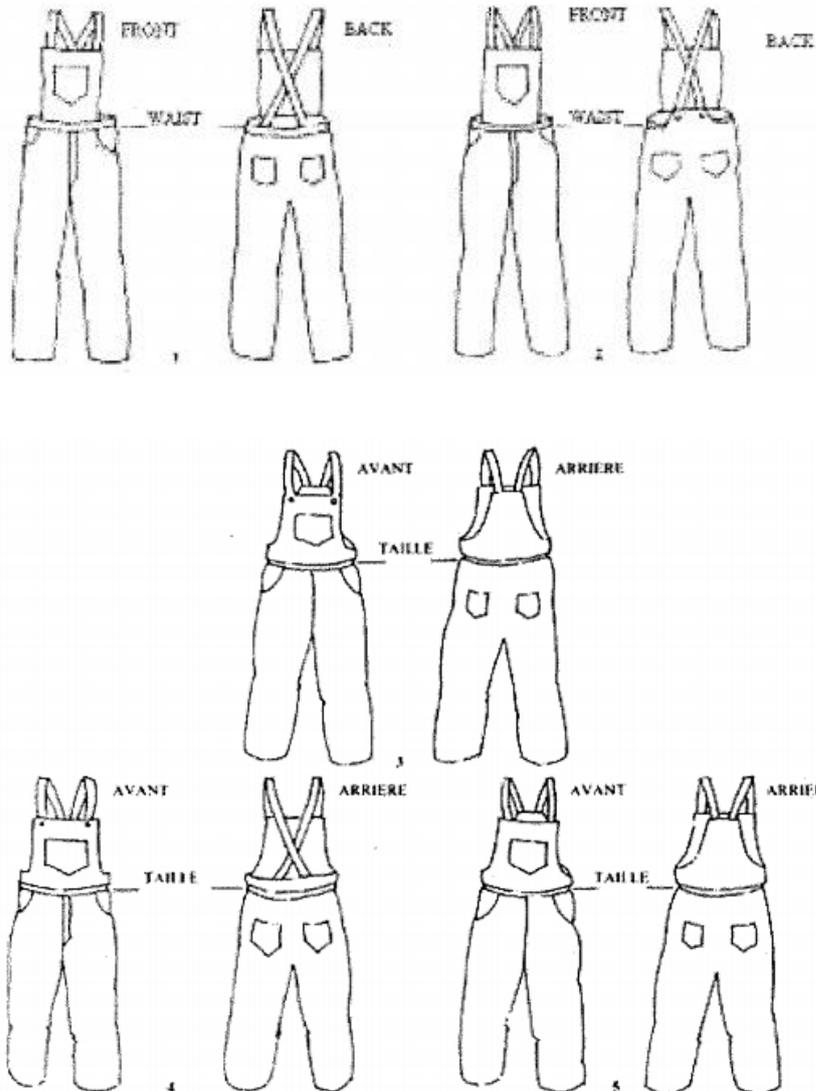
All of the components of an ensemble must be of the same fabric construction, style, colour and composition; they also must be of corresponding or compatible size. The term "ensemble" **does not apply** to track suits and ski suits, of **heading 61.12** (see Chapter Note 3 (b)).

Ngoài ra:

(C) "Áo jacket hoặc áo **blazer**" có cùng đặc điểm như áo vét và áo jacket được mô tả trong Chú giải 3 (a) của Chương và trong Phần (A) nói trên, trừ đặc điểm lớp vải ngoài (trừ tay áo và những lớp vải ngoài hoặc cổ áo, nếu có) có thể bao gồm 3 mảnh hoặc nhiều hơn (2 mảnh ở phía trước) được may lại với nhau theo chiều dọc. Tuy nhiên, nhóm này không bao gồm áo khoác có mũ, áo gió, áo jacket trượt tuyết và các loại tương tự thuộc **nhóm 61.01 hoặc 61.02**.

(D) "Quần dài" được hiểu là sản phẩm may mặc bao bọc mỗi chân riêng biệt, bao phủ đầu gối và thường là dài đến hoặc dài quá mắt cá chân; những quần loại này thường cao đến thắt lưng; dây đeo, nếu có, vẫn không làm mất đặc trưng cơ bản của quần dài.

(E) "Quần yếm có dây đeo" là các loại sản phẩm may mặc được minh họa dưới đây từ Hình 1 đến Hình 5 và các loại sản phẩm may mặc tương tự không phủ quá đầu gối.



(F) "Quần soóc" được hiểu là "quần dài" nhưng không che phủ đầu gối.

Nhóm này **không bao gồm**:

In addition:

(C) The "jackets or blazers" have the same characteristics as the suit coats and suit jackets described in Chapter Note 3 (a) and in Part (A) above, except that the outer shell (exclusive of sleeves, and facings or collar, if any) may consist of three or more panels (of which two are at the front) sewn together lengthwise. The heading does not, however, include anoraks, wind-cheaters, ski-jackets and similar garments of **heading 61.01 or 61.02**.

(D) "Trousers" means garments which envelop each leg separately, covering the knees and usually reaching down to or below the ankles; these garments usually stop at the waist; the presence of braces does not cause these garments to lose the essential character of trousers.

(E) "Bib and brace overalls" means garments of the type illustrated below in figures 1 to 5 and similar garments which do not cover the knee.

(F) "Shorts" means "trousers" which do not cover the knee.

The heading **does not include**:

(a) Áo gi-lê riêng lẻ (**nhóm 61.10**)

(b) Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi (**nhóm 61.12**).

61.04- Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân (dress), chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.

- Bộ com-lê:

6104.13 -- Từ sợi tổng hợp

6104.19 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Bộ quần áo đồng bộ:

6104.22 -- Từ bông

6104.23 -- Từ sợi tổng hợp

6104.29 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Áo jacket và áo blazer:

6104.31 -- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6104.32 -- Từ bông

6104.33 -- Từ sợi tổng hợp

6104.39 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Váy liền thân (dress)⁽¹⁾:

6104.41 -- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6104.42 -- Từ bông

6104.43 -- Từ sợi tổng hợp

6104.44 -- Từ sợi tái tạo

6104.49 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần:

6104.51 -- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6104.52 -- Từ bông

6104.53 -- Từ sợi tổng hợp

6104.59 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc:

6104.61 -- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6104.62 -- Từ bông

6104.63 -- Từ sợi tổng hợp

6104.69 -- Từ các vật liệu dệt khác

Những quy định của Chú giải chi tiết nhóm 61.03 được áp dụng tương tự *nhưng phải có sự sửa đổi sao cho phù hợp* đối với các sản phẩm của nhóm này.

Tất cả các bộ phận cấu thành của một “bộ com-lê” dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái phải may bằng cùng một loại vải, cùng màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng cũng phải có cùng kiểu cách, có

(a) Tailored waistcoats presented separately (**heading 61.10**).

(b) Track suits, ski suits and swimwear (**heading 61.12**).

61.04 - Women's or girls' suits, ensembles, jackets, blazers, dresses, skirts, divided skirts, trousers, bib and brace overalls, breeches and shorts (other than swimwear), knitted or crocheted.

- Suits:

6104.13 -- Of synthetic fibres

6104.19 -- Of other textile materials

- Ensembles:

6104.22 -- Of cotton

6104.23 -- Of synthetic fibres

6104.29 -- Of other textile materials

- Jackets and blazers:

6104.31 -- Of wool or fine animal hair

6104.32 -- Of cotton

6104.33 -- Of synthetic fibres

6104.39 -- Of other textile materials

- Dresses:

6104.41 -- Of wool or fine animal hair

6104.42 -- Of cotton

6104.43 -- Of synthetic fibres

6104.44 -- Of artificial fibres

6104.49 -- Of other textile materials

- Skirts and divided skirts:

6104.51 -- Of wool or fine animal hair

6104.52 -- Of cotton

6104.53 -- Of synthetic fibres

6104.59 -- Of other textile materials

- Trousers, bib and brace overalls, breeches and shorts:

6104.61 -- Of wool or fine animal hair

6104.62 -- Of cotton

6104.63 -- Of synthetic fibres

6104.69 -- Of other textile materials

The provisions of the Explanatory Note to heading 61.03 apply *mutatis mutandis* to the articles of this heading.

All of the components of a women's or girls' "suit" must be of the same fabric construction, colour and composition; they must also be of the same style and of corresponding or compatible size. However, these

kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Tuy nhiên, các bộ phận này có thể có dải viền (một dải vải được khâu vào đường nối) bằng một loại vải khác.

Nếu một vài thành phần riêng biệt để che phần dưới của cơ thể được trình bày cùng nhau (ví dụ, chân váy hoặc chân váy dạng quần và quần dài), thì bộ phận cấu thành phần dưới của bộ com-lê sẽ là chân váy hoặc chân váy dạng quần, các hàng may mặc khác được xem xét một cách riêng rẽ.

Tuy nhiên, theo mục đích của nhóm này, khái niệm "bộ quần áo đồng bộ của phụ nữ và trẻ em gái" có nghĩa là một bộ quần áo (trừ bộ com-lê và quần áo thuộc nhóm 61.07, 61.08 hoặc 61.09), gồm một số chiếc được may sẵn bằng cùng một loại vải, được xếp bộ để bán lẻ, và bao gồm:

- một áo được thiết kế để che phần trên của cơ thể, trừ áo chui đầu có thể làm thành chiếc áo che phần trên thứ hai mặc trong của bộ áo kép, và những chiếc áo gi-lê cũng có thể làm thành một chiếc áo che phần trên thứ hai, và

- một hoặc hai loại trang phục khác nhau, được thiết kế để che phần dưới của cơ thể và gồm quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn, quần soóc (trừ đồ bơi), một chân váy hoặc chân váy dạng quần, có hoặc không có yếm hoặc dây đeo.

Tất cả các bộ phận của một bộ quần áo đồng bộ phải được may bằng cùng một loại vải, có cùng kiểu cách, màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng cũng phải có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Khái niệm "bộ quần áo đồng bộ" **không áp dụng cho** bộ quần áo thể thao hoặc bộ quần áo trượt tuyết, thuộc nhóm 61.12 (xem Chú giải 3 (b) của Chương).

Hơn nữa, nhóm này loại trừ váy lót bông và váy lót thuộc nhóm 61.08.

61.05 - Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.

6105.10 - Từ bông

6105.20 - Từ sợi nhân tạo

6105.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Trừ áo ngủ thuộc nhóm 61.07 và áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác thuộc nhóm 61.09, nhóm này bao gồm các loại áo sơ mi dệt kim hoặc móc dành cho nam giới hoặc trẻ em trai, kể cả áo sơ mi có cổ có thể tháo ra, áo sơ mi công sở, áo sơ mi thể thao và các loại áo sơ mi cách điệu.

Nhóm này **không bao gồm** các loại áo không có ống tay cũng như **không bao gồm** các loại áo có túi ở phía dưới thắt lưng, có dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc có dây, đai khác thắt ở gấu áo, hoặc loại áo có **bình quân** dưới 10 mũi khâu/1 cm dài theo mỗi chiều tính trên một đơn vị diện tích ít nhất là 10 cm x 10 cm (xem Chú giải 4 của Chương).

Các loại áo không được xem là áo sơ mi của nam giới hoặc của trẻ em trai và bị loại trừ khỏi nhóm này theo Chú giải 4 thường được phân loại như sau:

components may have piping (a strip of fabric sewn into the seam) in a different fabric.

If several separate components to cover the lower part of the body are presented together (e.g., a skirt or divided skirt and trousers), the constituent lower part shall be the skirt or divided skirt, the other garments being considered separately.

However, for the purposes of this heading, the term "women's or girls' ensemble" means a set of garments (**other than** suits and articles of heading 61.07, 61.08 or 61.09), composed of several pieces made up in identical fabric, put up for retail sale, and comprising:

- one garment designed to cover the upper part of the body, with the exception of pullovers which may form a second upper garment in the sole context of twin sets, and of waistcoats which may also form a second upper garment, and

one or two different garments, designed to cover the lower part of the body and consisting of trousers, bib and brace overalls, breeches, shorts (other than swimwear), a skirt or a divided skirt, with or without braces or a bib.

All of the components of an ensemble must be of the same fabric construction, style, colour and composition; they also must be of corresponding or compatible size. The term "ensemble" **does not apply** to hack suits or ski suits, of heading 61.12 (see Chapter Note 3 (b)).

Furthermore, the heading **excludes** petticoats and slips of heading 61.08.

61.05 - Men's or boys' shirts, knitted or crocheted.

6105.10 - Of cotton

6105.20 - Of man-made fibres

6105.90 - Of other textile materials

With the exception of nightshirts of heading 61.07 and T-shirts, singlets and other vests of heading 61.09, this heading covers knitted or crocheted shirts for men or boys, including shirts with detachable collars, dress shirts, sports shirts and leisure shirts.

This heading **does not cover** sleeveless garments **nor does it cover** garments with pockets below the waist, with a ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment, or garments having an **average** of less than 10 stitches per linear centimetre in each direction counted on an area measuring at least 10 cm x 10 cm (see Chapter Note 4).

Garments not regarded as men's or boys' shirts and excluded from this heading in accordance with Note 4 are generally classified as follows:

- Có túi ở phía dưới thắt lưng; như áo jacket thuộc **nhóm 61.03**, hoặc áo cardigan thuộc **nhóm 61.10**.

- Có dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc có dây, đai khác thắt ở gấu áo, hoặc có bình quân dưới 10 mũi khâu/1 cm dài theo mỗi chiều; **nhóm 61.01** hoặc **61.10**.

- Các loại áo không có ống tay của nam giới hoặc trẻ em trai; **nhóm 61.09**, **61.10** hoặc **61.14**.

61.06 - Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouse) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.

6106.10 - Từ bông

6106.20 - Từ sợi nhân tạo

6106.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm các loại áo của phụ nữ và trẻ em gái được dệt kim hoặc móc gồm có áo (blouse), áo sơ mi và sơ mi cách điệu.

Nhóm này **không bao gồm** các loại áo có túi ở phía dưới thắt lưng, có dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc có dây, đai khác thắt ở gấu áo, hoặc loại áo có bình quân dưới 10 mũi khâu/1 cm dài theo mỗi chiều tính trên một đơn vị diện tích ít nhất là 10 cm x 10 cm (xem Chú giải 4 của Chương).

Các loại áo không được xem là áo (blouse), áo sơ mi hoặc sơ mi cách điệu dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái và **bị loại trừ** khỏi nhóm này theo Chú giải 4 của Chương thường được phân loại như sau:

- Có túi ở phía dưới thắt lưng; như áo jacket thuộc **nhóm 61.04**, hoặc áo (cardigan) thuộc **nhóm 61.10**.

- Có dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc có dây, đai khác thắt ở gấu áo, hoặc có trung bình dưới 10 mũi khâu/1 cm dài theo mỗi chiều; **nhóm 61.02** hoặc **61.10**.

Hơn nữa, nhóm này **không bao gồm**:

(a) Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác (**nhóm 61.09**).

(b) Áo được làm từ các loại vải thuộc các nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07 (**nhóm 61.13**).

(c) Áo khoác ngoài (smock) và các loại áo bảo hộ trong tự thuộc **nhóm 61.14**.

61.07 - Quần lót, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.

- Quần lót và quần sịp:

6107.11 - - Từ bông

6107.12 - - Từ sợi nhân tạo

6107.19 - - Từ các vật liệu dệt khác

- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:

6107.21 - - Từ bông

- Having pockets below the waist; as jackets of **heading 61.03**, or as cardigans of **heading 61.10**.

- Having a ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment, or having an average of less than 10 stitches per linear centimetre; **heading 61.01** or **61.10**.

- Men's or boys' sleeveless garments; **heading 61.09**, **61.10** or **61.14**.

61.06 - Women's or girls' blouses, shirts and shirt-blouses, knitted or crocheted.

6106.10 - Of cotton

6106.20 - Of man-made fibres

6106.90 - Of other textile materials

This heading covers the group of knitted or crocheted women's or girls' clothing which comprises blouses, shirts and shirt-blouses.

This heading **does not cover** garments with pockets below the waist, with a ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment, or garments having an average of less than 10 stitches per linear centimetre in each direction counted on an area measuring at least 10 cm x 10 cm (see Chapter Note 4).

Garments not regarded as women's or girls' blouses, shirts or shirt-blouses and **excluded** from this heading in accordance with Chapter Note 4 are generally classified as follows:

- Having pockets below the waist; as jackets of **heading 61.04** or as cardigans of **heading 61.10**.

- Having a ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment, or having an average of less than 10 stitches per linear centimetre; **heading 61.02** or **61.10**.

Furthermore, the heading **does not include**:

(a) T-shirts, singlets and other vests (**heading 61.09**).

(b) Garments made up of fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07 (**heading 61.13**).

(c) Smocks and similar protective garments of **heading 61.14**.

61.07 - Men's or boys' underpants, briefs, nightshirts, pyjamas, bathrobes, dressing gowns and similar articles, knitted or crocheted.

- Underpants and briefs:

6107.11 - - Of cotton

6107.12 - - Of man-made fibres

6107.19 - - Of other textile materials

- Nightshirts and pyjamas:

6107.21 - - Of cotton

6107.22 -- Từ sợi nhân tạo

6107.29 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Loại khác:

6107.91 -- Từ bông

6107.99 -- Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm hai nhóm sản phẩm riêng biệt của nam giới hoặc trẻ em trai, bao gồm bộ quần áo lót, quần sịp và những loại tương tự (quần áo lót) và áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm (kể cả áo choàng tắm biển), áo choàng dài mặc trong nhà và các loại áo tương tự, dệt kim hoặc móc.

Nhóm này **không bao gồm** áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác (**nhóm 61.09**).

61.08 - Váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.

- Váy lót, và váy lót bông (petticoats):

6108.11 -- Từ sợi nhân tạo

6108.19 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Quần xi líp và quần đùi bó:

6108.21 -- Từ bông

6108.22 -- Từ sợi nhân tạo

6108.29 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Váy ngủ và bộ pyjama:

6108.31 -- Từ bông

6108.32 -- Từ sợi nhân tạo

6108.39 -- Từ các vật liệu dệt khác

- Loại khác:

6108.91 -- Từ bông

6108.92 -- Từ sợi nhân tạo

6108.99 -- Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm hai loại nhóm sản phẩm riêng biệt của phụ nữ hoặc trẻ em gái, bao gồm váy lót, váy lót bông, quần xi líp, quần đùi bó và các loại tương tự (quần lót các loại) và váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt, áo choàng tắm (kể cả áo tắm biển), áo choàng dài mặc trong nhà và các loại áo tương tự, dệt kim hoặc móc.

Nhóm này **không bao gồm** áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác (**nhóm 61.09**).

61.09 - Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc.

6109.10 - Từ bông

6109.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Thuật ngữ "áo phông" có nghĩa là loại áo lót có trọng

6107.22 -- Of man-made fibres

6107.29 -- Of other textile materials

- Other:

6107.91 -- Of cotton

6107.99 -- Of other textile materials

This heading covers two separate categories of knitted or crocheted clothing for men or boys, namely, underpants, briefs and similar articles (underclothing) and nightshirts, pyjamas, bathrobes (including beachrobes), dressing gowns and similar articles.

The heading **does not include** singlets and other vests (**heading 61.09**).

61.08 - Women's or girls' slips, petticoats, briefs, panties, nightdresses, pyjamas, negligees, bathrobes, dressing gowns and similar articles, knitted or crocheted.

- Slips and petticoats:

6108.11 -- Of man-made fibres

6108.19 -- Of other textile materials

- Briefs and panties:

6108.21 -- Of cotton

6108.22 -- Of man-made fibres

6108.29 -- Of other textile materials

- Nightdresses and pyjamas:

6108.31 -- Of cotton

6108.32 -- Of man-made fibres

6108.39 -- Of other textile materials

- Other:

6108.91 -- Of cotton

6108.92 -- Of man-made fibres

6108.99 -- Of other textile materials

This heading covers two separate categories of knitted or crocheted clothing for women or girls, namely slips, petticoats, briefs, panties and similar articles (underclothing) and nightdresses, pyjamas, negligees, bathrobes (including beachrobes), dressing gowns and similar articles.

The heading **does not include** singlets and other vests (**heading 61.09**).

61.09 - T-shirts, singlets and other vests, knitted or crocheted.

6109.10 - Of cotton

6109.90 - Of other textile materials

The term "T-shirts" means lightweight knitted or

lượng nhẹ dệt kim hoặc móc, làm từ bông hoặc sợi nhân tạo, chưa được làm tuyết (napped), mà còn không làm từ vải lông mịn hoặc vải tạo vòng lông, một màu hoặc nhiều màu, có hoặc không có túi, có ống tay áo vừa sát người dài hoặc ngắn, không có khuy cài hoặc các chốt cài khác, không có cổ áo, không có chỗ mở tại đường viền cổ áo, có đường viền cổ vừa sát người hoặc trễ (hình tròn, hình vuông, hình thuyền hay hình chữ V). Các loại áo này có thể có trang trí, trừ trang trí bằng đăng ten (ren), bằng các hình quảng cáo, tranh ảnh hoặc câu chữ, được tạo nên bằng cách in, dệt kim hoặc bằng các phương pháp khác. Phần gấu dưới cùng của các loại áo này thường được may viền.

Nhóm này cũng bao gồm các loại áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác.

Nên lưu ý rằng các sản phẩm nói trên được phân loại vào nhóm này không phân biệt là dùng cho nam hay nữ.

Theo Chú giải 5 của Chương này, các loại áo có dây rút, dây thắt lưng kẻ gân nổi hoặc dây đai khác thắt ở gấu **bị loại trừ** ra khỏi nhóm này.

Hơn nữa, nhóm này **không bao gồm**;

(a) Các loại áo sơ mi của nam giới hoặc trẻ em trai thuộc **nhóm 61.05**.

(b) Áo choàng (blouse), áo sơ mi và sơ mi cách điệu dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái thuộc **nhóm 61.06**.

61.10 - Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc.

- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:

6110.11 - - Từ lông cừu

6110.12 - - Của dê Ca-sơ-mia (len casomia)

6110.19 - - Loại khác

6110.20 - Từ bông

6110.30 - Từ sợi nhân tạo

6110.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm loại sản phẩm dệt kim hoặc móc, không phân biệt là của nam hay của nữ, được thiết kế để che phần trên của cơ thể (áo bó, áo chui đầu, áo (cardigan), áo gi-lê và các loại áo tương tự). Các sản phẩm có gắn các bộ phận bảo vệ như là miếng lót khuỷu tay được khâu ở trên các ống tay áo và được sử dụng cho một số hoạt động thể thao (ví dụ: áo bó của thủ môn bóng đá) vẫn được phân loại ở nhóm này

Nhóm này cũng bao gồm các loại áo gi-lê **trừ khi** chúng đi kèm bộ và là một trong các bộ phận của bộ com-lê của nam giới hoặc của trẻ em trai hoặc của phụ nữ hoặc của trẻ em gái thuộc các **nhóm 61.03** hoặc **61.04**, tùy từng trường hợp.

Nhóm này cũng **loại trừ** các loại áo gi-lê có lót đệm thường được mặc bên ngoài tất cả các loại quần áo khác để bảo vệ chống lại thời tiết, thuộc các **nhóm**

crocheted garments of the vest type, of cotton or man-made fibre, not napped, nor of pile or terry fabric, in one or more colours, with or without pockets, with long or short close-fitting sleeves, without buttons or other fastenings, without collar, without opening in the neckline, having a close-fitting or lower neckline (round, square, boat-shaped or V-shaped). These garments may have decoration, other than lace, in the form of advertising, pictures or an inscription in words, obtained by printing, knitting or other process. The bottom of these garments is usually hemmed.

This heading also includes singlets and other vests.

It should be noted that the above - mentioned articles are classified in this heading without distinction between male or female wear.

In accordance with Chapter Note 5, garments with a drawstring, ribbed waistband or other means of tightening at the bottom of the garment are **excluded** from this heading.

Furthermore, the heading **does not include**:

(a) Men's or boys' shirts of **heading 61.05**.

(b) Women's or girls' blouses, shirts and shirt-blouses of **heading 61.06**

61.10 - Jerseys, pullovers, cardigans, waistcoats and similar articles, knitted or crocheted.

- Of wool or fine animal hair:

6110.11 - - Of wool

6110.12 - - Of Kashmir (cashmere) goats

6110.19 - - Other

6110.20 - Of cotton

6110.30 - Of man-made fibres

6110.90 - Of other textile materials

This heading covers a category of knitted or crocheted articles, without distinction between male or female wear, designed to cover the upper parts of the body (jerseys, pullovers, cardigans, waistcoats and similar articles). Articles incorporating incidentally protective components such as elbow pads sewn on sleeves and used for certain sports (e.g., soccer goalkeeper jerseys) remain classified in this heading.

It also covers tailored waistcoats except when these are presented with and constitute one of the components of a man's or boy's or woman's or girl's suit of **heading 61.03** or **61.04**, as the case may be.

The heading also excludes padded waistcoats generally worn over all other clothing for protection against the weather, of **heading 61.01** or **61.02**.

61.01 hoặc 61.02.

o
o o

Chú giải phân nhóm.

Phân nhóm 6110.12

Những quy định của Chú giải phân nhóm 5102.11 được áp dụng, *trương tự nhưng phải có sự sửa đổi sao cho phù hợp*, đối với các sản phẩm của phân nhóm này.

61.11 - Quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc.

6111.20 - Từ bông

6111.30 - Từ sợi tổng hợp

6111.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Theo Chú giải 6 (a) của Chương này, khái niệm "quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em" áp dụng cho các sản phẩm dùng cho trẻ có chiều cao không quá 86cm.

Nhóm này; bao gồm, *ngoài các sản phẩm khác*, các sản phẩm dệt kim hoặc móc như áo khoác ngắn cho trẻ em, áo tiên, quần yếm của trẻ con, yếm dải của trẻ sơ sinh, găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, quần nịt và giày len của trẻ em không có đế ngoài được dán keo, khâu hoặc gắn bằng cách khác hoặc được kết vào mũi giày.

Lưu ý rằng các sản phẩm mà, *thoạt nhìn*, có thể vừa phân loại vào nhóm 61.11 và vừa phân loại vào nhóm khác thuộc Chương này thì được phân loại vào **nhóm 61.11** (xem Chú giải 6 (b) của Chương này).

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Mũ bonnet dành cho trẻ em, dệt kim hoặc móc (**nhóm 65.05**).

(b) Khăn (bim) và tã lót cho trẻ (**nhóm 96.19**).

(c) Hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em được chi tiết hơn trong các Chương khác của Danh mục này.

61.12 - Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc.

- Bộ quần áo thể thao:

6112.11 - - Từ bông

6112.12 - - Từ sợi tổng hợp

6112.19 - - Từ các vật liệu dệt khác

6112.20 - Bộ quần áo trượt tuyết

- Quần áo bơi cho nam giới hoặc trẻ em trai:

6112.31 - - Từ sợi tổng hợp

6112.39 - - Từ các vật liệu dệt khác

- Quần áo bơi cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:

6112.41 - - Từ sợi tổng hợp

o
o o

Subheading Explanatory Note.

Subheading 6110.12

The provisions of the Explanatory Note to subheading 5102.11 apply, *mutatis mutandis*, to the products of this subheading.

61.11 - Babies' garments and clothing accessories, knitted or crocheted.

6111.20 - Of cotton

6111.30 - Of synthetic fibres

6111.90 - Of other textile materials

In accordance with Note 6 (a) to this Chapter the expression "babies' garments and clothing accessories" applies to articles for young children of a body height not exceeding 86 cm.

This heading includes, *inter alia*, knitted or crocheted matinee coats, pixie suits, rompers, infants' bibs, gloves, mittens and mitts, tights and babies' booties without an outer sole glued, sewn or otherwise affixed or applied to the upper.

It should be noted that articles which are, *prima facie*, classifiable both in heading 61.11 and in other headings of this Chapter are to be classified in **heading 61.11** (see Note 6 (b) to this Chapter).

This heading **does not include**:

(a) Babies' bonnets, knitted or crocheted (**heading 65.05**).

(b) Napkins (diapers) and napkin liners for babies (**heading 96.19**).

(c) Babies' clothing accessories covered more specifically by other Chapters of the Nomenclature.

61.12 - Track suits, ski suits and swimwear, knitted or crocheted.

- Track suits:

6112.11 - - Of cotton

6112.12 - - Of synthetic fibres

6112.19 - - Of other textile materials

6112.20 - Ski suits

- Men's or boys' swimwear:

6112.31 - - Of synthetic fibres

6112.39 - - Of other textile materials

- Women's or girls' swimwear:

6112.41 - - Of synthetic fibres

6112.49 - - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm:

(A) Bộ quần áo thể thao, nghĩa là các sản phẩm dệt kim bao gồm 2 chiếc, không được lót nhưng đôi lúc có mặt bên trong được dệt tuyệt (nap), là loại áo, do hình thức và chất vải thông thường của chúng, thể hiện rõ ràng dành riêng và chủ yếu được mặc trong các hoạt động thể thao.

Bộ quần áo thể thao bao gồm hai chiếc, cụ thể:

- Một áo được hiểu là dùng để che phần trên của cơ thể xuống tới thắt lưng hoặc xuống bên dưới thắt lưng một chút. Áo loại này có ống tay dài, có dây đai gân nổi hoặc co dãn, có dây khóa kéo hoặc các loại dây thắt khác ở cổ tay. Các loại dây thắt tương tự, kể cả dây rút, thường được nhìn thấy ở (gấu áo). Nếu là loại áo có thể mở ra một phần hoặc mở hoàn toàn ở mặt trước, thì nó thường được cài chặt lại bằng khóa kéo (zipper). Loại áo này có thể có hoặc không có gắn một mũ trùm đầu, có một cổ áo và có nhiều túi.

- Một quần dài có thể bó sát người hoặc không, có hoặc không có túi, có một dây thắt lưng co dãn, có dây rút hoặc các loại dây thắt khác ở thắt lưng, không có chỗ mở ở thắt lưng và vì thế không có cúc cài hoặc hệ thống cài kéo khác. Tuy nhiên, loại quần này có thể được thắt chặt bằng những dây đai gân nổi hoặc co dãn, bằng khóa kéo (zipper) hoặc các bộ phận cài, thắt; kéo khác ở gấu quần mà chúng thường chạy xuống đến mắt cá. Chúng có thể có hoặc không có dây đai chân (footstrap).

(B) "Bộ quần áo trượt tuyết", nghĩa là, bộ quần áo rời (hoặc bộ áo liền quần, mà bằng hình thức và chất liệu vải, có thể nhận thấy chúng được sử dụng chủ yếu để mặc cho trượt tuyết (trượt tuyết băng đồng hoặc trượt tuyết đổ dốc).

Bao gồm:

(1) một "bộ đồ trượt tuyết liền quần", là, bộ đồ liền được thiết kế để che phần trên và dưới của cơ thể; bộ đồ trượt tuyết liền quần có thể có túi hoặc dây đai chân ngoài tay áo và cổ áo; hoặc

(2) một "bộ đồ trượt tuyết đồng bộ", là bộ quần áo gồm có hai hoặc ba chiếc, được xếp bộ để bán lẻ và bao gồm:

- một áo như kiểu áo khoác có mũ trùm, áo chắn gió, áo jacket chắn gió hoặc loại tương tự, được cài bằng khóa kéo (zipper), ngoài ra có thể kèm thêm một áo gi-lê, và

- một quần dài có cạp cao hơn hoặc không cao quá thắt lưng, một quần ống chèn hoặc một quần yếm và quần có dây đeo.

"Bộ đồ trượt tuyết đồng bộ" có thể cũng bao gồm một áo liền quần tương tự như loại áo đã nêu ở mục (1) trên và một kiểu áo jacket có lót đệm, không có ống tay, mặc ở ngoài bộ áo liền quần.

Tất cả các bộ phận của một "bộ đồ trượt tuyết đồng bộ" phải được may bằng cùng loại vải, kiểu dáng và thành phần nguyên liệu dù đồng màu hay khác màu;

6112.49 - - Of other textile materials

This heading includes:

(A) Track suits, i.e., knitted articles consisting of two pieces, not lined but sometimes with a raised inner surface (nap) which, because of their general appearance and the nature of the fabric, are clearly meant to be worn exclusively or mainly in the pursuit of sporting activities.

Track suits consist of two garments, namely:

A garment meant to cover the upper part of the body down to or slightly below the waist. It has long sleeves, with ribbed or elasticated bands, zip fasteners or other tightening elements at the cuffs. Similar tightening elements, including drawstrings, are generally to be found at the bottom of this garment. When it has a partial or complete opening at the front, it is generally fastened by means of a slide fastener (zipper). It may or may not be fitted with a hood, a collar and pockets.

- A second garment (a pair of trousers) which may be either close or loose fitting, with or without pockets, with an elasticated waistband, drawstring or other means of tightening at the waist, with no opening at the waist and therefore no buttons or other fastening system. However, such trousers may be fitted with ribbed or elasticated bands, slide fasteners (zippers) or other tightening elements at the bottom of the trouser-legs which generally go down to ankle level. They may or may not have footstraps.

(B) "Ski suits", i.e., garments or sets of garments which, by their general appearance and texture, are identifiable as intended to be worn principally for skiing (cross-country or alpine).

They consist either of:

(1) a "ski overall" that is, a one-piece garment designed to cover the upper and the lower parts of the body; in addition to sleeves and a collar, the ski overall may have pockets or footstraps; or

(2) a "ski ensemble", that is, a set of garments composed of two or three pieces, put up for retail sale and comprising:

- one garment such as an anorak, wind-cheater, wind-jacket or similar article, closed by a slide fastener (zipper), possibly with a waistcoat in addition, and

- one pair of trousers whether or not extending above waist-level, one pair of breeches or one bib and brace overall.

The "ski ensemble" may also consist of an overall similar to the one mentioned in paragraph (1) above and a type of padded, sleeveless jacket worn over the overall.

All the components of a "ski ensemble" must be made up in a fabric of the same texture, style and composition whether or not of the same colour; they also must be of

chúng cũng phải có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau (xem Chú giải 7 của Chương này).

(C) Bộ đồ bơi (bộ đồ tắm một hoặc hai mảnh, quần soóc bơi và quần bơi của nam dệt kim hoặc móc, co giãn hoặc không co giãn).

61.13 - Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07.

Trừ quần áo của trẻ sơ sinh thuộc nhóm 61.11 nhóm này bao gồm tất cả các loại quần áo may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07, không phân biệt là quần áo dành cho nam hay là nữ.

Nhóm này cũng bao gồm áo mưa, quần áo vải dầu, bộ quần áo lặn và bộ quần áo chống phóng xạ, không có thiết bị thở đi kèm.

Cũng nên lưu ý rằng các sản phẩm mà, *thoạt nhìn*, chúng vừa có thể được phân loại vào nhóm này và vừa có thể phân loại vào các nhóm khác của Chương này, trừ nhóm 61.11, thì được phân loại vào nhóm này (xem Chú giải 8 của Chương này).

Hơn nữa, nhóm này **không bao gồm**:

(a) Quần áo được may từ các sản phẩm dệt đã chần dạng chiếc thuộc nhóm 58.11 (thường thuộc các **nhóm 61.01** hoặc **61.02**). Xem Chú giải phân nhóm ở cuối phần Chú giải tổng quát của Chương này.

(b) Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc (**nhóm 61.16**) và hàng may mặc phụ trợ khác, dệt kim hoặc móc (**nhóm 61.17**).

61.14 - Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc.

6114.20 - Từ bông

6114.30 - Từ sợi nhân tạo

6114.90 - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm các loại quần áo dệt kim hoặc móc chưa được mô tả chi tiết tại các nhóm trước thuộc Chương này.

Nhóm này bao gồm, *ngoài các mặt hàng khác*:

(1) Tạp dề, bộ quần áo bảo hộ chống hơi, nước nóng (liền quần), áo khoác bảo hộ mặc bên ngoài (chống hồng, bắn các quần áo khác) và các loại áo bảo hộ khác dành cho thợ cơ khí, công nhân nhà máy, bác sĩ phẫu thuật... v.v mặc.

(2) Bộ quần áo của mục sư hoặc thầy tu và các áo lễ phục, (ví dụ: áo dài của thầy tu, áo chùng của các giáo sĩ, áo lễ của tu sĩ, áo tê).

(3) Áo choàng của các giáo sư hoặc học giả.

(4) Áo quần đặc biệt cho các nhà du hành vũ trụ v.v. (ví dụ như: áo quần được làm nóng bằng điện của các nhà du hành vũ trụ).

(5) Các trang phục đặc biệt, có hoặc không gắn với các bộ phận bảo vệ như miếng lót hoặc phần lót ở khuỷu tay, đầu gối hoặc phần háng, được dùng cho một số môn thể thao hoặc khiêu vũ hoặc các hoạt động thể dục (ví dụ như: áo quần dùng cho môn đấu

corresponding or compatible size (see Note 7 to this Chapter).

(C) Swimwear (knitted or crocheted one-piece or two-piece bathing costumes, swimming shorts and trunks, whether or not elastic).

61.13 - Garments, made up of knitted or crocheted fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07.

With the exception of babies' garments of heading **61.11**, this heading covers all garments made up of knitted or crocheted fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07, without distinction between male or female wear.

The heading includes raincoats, oilskins, divers' suits and anti-radiation protective suits, not combined with breathing apparatus.

It should be noted that articles which are, *prima facie*, classifiable both in this heading and in other headings of this Chapter, excluding heading 61.11, are to be classified in this heading (see Note 8 to this Chapter).

Furthermore, the heading **does not include**:

(a) Garments made from the quilted textile products in the piece of heading 58.11 (generally **heading 61.01** or **61.02**). See Subheading Explanatory Note at the end of the General Explanatory Note to this Chapter.

(b) Gloves, mittens and mitts, knitted or crocheted (**heading 61.16**) and other clothing accessories, knitted or crocheted (**heading 61.17**).

61.14 - Other garments, knitted or crocheted.

6114.20 - Of cotton

6114.30 - Of man-made fibres

6114.90 - Of other textile materials

This heading covers knitted or crocheted garments which are not included more specifically in the preceding headings of this Chapter.

The heading includes, *inter alia*:

(1) Aprons, boiler suits (coveralls), smocks and other protective clothing of a kind worn by mechanics, factory workers, surgeons, etc.

(2) Clerical or ecclesiastical garments and vestments (e.g., monks' habits, cassocks, copes, soutanes, surplices).

(3) Professional or scholastic gowns and robes.

(4) Specialised clothing for airmen, etc. (e.g., airmen's electrically heated clothing).

(5) Special articles of apparel, whether or not incorporating incidentally protective components such as pads or padding in the elbow, knee or groin areas, used for certain sports or for dancing or gymnastics (e.g., fencing clothing, jockeys' silks, ballet skirts,

kiếm, quần áo bằng lụa dùng cho đua ngựa, váy múa ba lê, trang phục bó sát dùng cho khiêu vũ, rèn luyện thể chất của nữ). Tuy nhiên, các thiết bị bảo vệ dùng cho thể thao hoặc trò chơi (ví dụ như: mặt nạ và các tấm che ngực dùng cho môn đấu kiếm, quần chơi khúc côn cầu trên băng, ...) **bị loại trừ (nhóm 95.06)**.

61.15 - Quần tất, quần nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày, dép không đế, dệt kim hoặc móc.

6115.10 - Nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch)

- Quần tất và quần nịt khác:

6115.21 - - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn dưới 67 decitex

6115.22 - - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn từ 67 decitex trở lên

6115.29 - - Từ các vật liệu dệt khác

6115.30 - Tất dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối dùng cho phụ nữ, có độ mảnh mỗi sợi đơn dưới 67 decitex

- Loại khác:

6115.94 - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6115.95 - - Từ bông

6115.96 - - Từ sợi tổng hợp

6115.99 - - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm các sản phẩm dệt kim hoặc móc sau đây, không phân biệt dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái và dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:

(1) Quần tất, quần nịt được thiết kế để che bàn chân và các ống chân (bít tất dài) và che phần dưới của cơ thể cho đến thắt lưng (tất kiểu quần), kể cả loại không có phần che bàn chân.

(2) Bít tất dài (trên đầu gối) và bít tất ngắn (kể cả bít tất che mắt cá chân).

(3) Tất dùng bên trong bít tất dài, được dùng chủ yếu để bảo vệ khỏi lạnh

(4) Nịt chân, ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch.

(5) Các đầu chụp (Socket) dùng để bảo vệ bàn chân hoặc các ngón chân của tất khỏi bị cọ xát và mài mòn.

(6) Giày, dép không có đế ngoài được dán keo, khâu hoặc gắn bằng cách khác hoặc kết vào mũi giày, **loại trừ** giày len của trẻ em.

Nhóm này cũng bao gồm các loại bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn.v.v. chưa hoàn chỉnh, được làm từ vải dệt kim hoặc móc, miễn là chúng có các đặc trưng cơ bản của sản phẩm hoàn chỉnh.

Nhóm này **không bao gồm**:

leotards). However, protective equipment for sports or games (e.g., fencing masks and breast plates, ice hockey pants, etc.) are **excluded (heading 95.06)**.

61.15 - Panty hose, tights, stockings, socks and other hosiery, including graduated compression hosiery (for example, stockings for varicose veins) and footwear without applied soles, knitted or crocheted.

6115.10 - Graduated compression hosiery (for example, stockings for varicose veins)

- Other panty hose and tights:

6115.21 - - Of synthetic fibres, measuring per single yarn less than 67 decitex

6115.22 - - Of synthetic fibres, measuring per single yarn 67 decitex or more

6115.29 - - Of other textile materials

6115.30 - Other women's full-length or knee-length hosiery, measuring per single yarn less than 67 decitex

- Other:

6115.94 - - Of wool or fine animal hair

6115.95 - - Of cotton

6115.96 - - Of synthetic fibres

6115.99 - - Of other textile materials

This heading covers the following knitted or crocheted goods, without distinction between those for women or girls and those for men or boys:

(1) Panty hose and tights designed to cover the feet and legs (hose) and the lower part of the body up to the waist (panty), including those without feet.

(2) Stockings and socks (including ankle-socks).

(3) Under stockings, used mainly as a protection against the cold.

(4) Graduated compression hosiery, e.g., stockings for varicose veins.

(5) Sockettes intended to protect the feet or toes of stockings from friction or wear.

(6) Footwear without an outer sole glued, sewn or otherwise affixed or applied to the upper, **other than** babies' booties.

The heading also covers unfinished stockings, socks, etc., of knitted or crocheted fabric, provided they have the essential character of the finished article.

The heading **excludes**:

(a) Bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và giày len không có đế ngoài được dán keo, khâu hoặc gắn bằng cách khác vào mũ giày, dùng cho trẻ em (**nhóm 61.11**).

(b) Bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn .v.v. trừ các loại bít tất dệt kim hoặc móc (thường nằm ở **nhóm 62.17**).

(c) Giày dép dệt kim có đế ngoài được dán keo, khâu, hoặc gắn bằng cách khác vào mũ giày (**Chương 64**).

(d) Ống ôm sát chân (leggings) và ghệt (kể cả bít tất dài dùng trong môn thể thao leo núi, loại không có bàn chân") (**nhóm 64.06**).

Chú giải Phân nhóm.

Phân nhóm 6115.10

Theo mục đích của phân nhóm 6115.10, “nịt chân” nghĩa là loại tất mà sức nén lên mắt cá chân là mạnh nhất và giảm dần theo độ dài lên phía trên ống chân, nhờ vậy kích thích lưu thông máu.

61.16 - Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc.

6116.10 - Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ hoặc ép với plastic hoặc cao su

- Loại khác:

6116.91 - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6116.92 - - Từ bông

6116.93 - - Từ sợi tổng hợp

6116.99 - - Từ các vật liệu dệt khác

Nhóm này bao gồm tất cả các loại găng tay dệt kim hoặc móc, không phân biệt dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái và dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai. Nhóm này bao gồm các loại găng tay ngắn thông thường có các ngón riêng lẻ, găng tay hở ngón chỉ che phủ một phần các ngón tay, găng tay bao chỉ tách biệt ngón tay cái và bao tay dài, hoặc các găng dài khác có thể che tới cẳng tay hoặc thậm chí là phần trên của cánh tay.

Nhóm này cũng bao gồm các loại găng tay chưa hoàn chỉnh, dệt kim hoặc móc, miễn là chúng có các đặc trưng cơ bản của sản phẩm hoàn chỉnh.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các loại găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc, được lót bằng da lông hoặc da lông nhân tạo, hoặc mặt ngoài được phủ da lông hoặc da lông nhân tạo (**trừ** loại trang trí thuần túy) (**nhóm 43.03** hoặc **43.04**).

(b) Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao dùng cho trẻ em (**nhóm 61.11**).

(c) Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao dệt, không được dệt kim hoặc móc (**nhóm 62.16**).

(d) “Găng tay” cọ xát dùng để xoa bóp hoặc dùng

(a) Stockings, socks and bootees without an outer sole glued, sewn or otherwise affixed or applied to the upper, for babies (**heading 61.11**).

(b) Stockings, socks, etc., **other than** knitted or crocheted (usually **heading 62.17**).

(c) Knitted footwear with an outer sole glued, sewn or otherwise affixed or applied to the upper (**Chapter 64**).

(d) Leggings and gaiters (including “mountain stockings” without feet) (**heading 64.06**).

Subheading Explanatory Note.

Subheading 6115.10

For the purposes of subheading 6115.10, “graduated compression hosiery” means hosiery in which the compression is greatest at the ankle and reduces gradually along its length up the leg, so that blood flow is encouraged.

61.16 - Gloves, mittens and mitts, knitted or crocheted.

6116.10 - Impregnated, coated, covered or laminated with plastics or rubber

- Other:

6116.91 - - Of wool or fine animal hair

6116.92 - - Of cotton

6116.93 - - Of synthetic fibres

6116.99 - - Of other textile materials

This heading covers all knitted or crocheted gloves, without distinction between those for women or girls and those for men or boys. It includes ordinary short gloves with separate fingers, mittens covering only part of the fingers, mitts with separation for the thumb only and gauntlet or other long gloves that may cover the forearm or even part of the upper arm.

The heading also covers unfinished gloves, knitted or crocheted, provided they have the essential character of the finished article.

The heading **does not cover**:

(a) Knitted or crocheted gloves, mittens and mitts lined with furskin or artificial fur, or with furskin or artificial fur on the outside (**other than** as mere trimming) (**heading 43.03** or **43.04**).

(b) Gloves, mitts and mittens for babies (**heading 61.11**).

(c) Textile gloves, mittens and mitts, not knitted or crocheted (**heading 62.16**).

(d) Friction “gloves” for massage or toilet use (**heading**

cho vệ sinh (nhóm 63.02).

61.17 - Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác, dệt kim hoặc móc; các chi tiết dệt kim hoặc móc của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ.

6117.10 - Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự

6117.80 - Các phụ kiện may mặc khác

6117.90 - Các chi tiết

Nhóm này bao gồm các đồ phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh, dệt kim hoặc móc, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nhóm trước của Chương này hoặc ở nơi khác trong toàn bộ Danh mục. Nhóm này cũng bao gồm các chi tiết của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc (trừ các chi tiết của các sản phẩm thuộc **nhóm 62.12**).

Nhóm này bao gồm, *ngoài những mặt hàng khác*:

(1) **Khăn choàng, khăn choàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che mặt** và các loại tương tự.

(2) Cà vạt, nơ con bướm và cravat.

(3) **Các miếng đệm của quần áo, vai áo hoặc các tấm lót khác.**

(4) **Thắt lưng các loại (kể cả dây đeo súng) và khăn thắt lưng (ví dụ, loại dùng trong quân sự hoặc giáo hội)**, có dây hoặc không có dây. Các sản phẩm trên sẽ thuộc nhóm này thậm chí chúng có kèm theo khóa cài hoặc các bộ phận ghép nối khác làm bằng kim loại quý hoặc được trang trí bằng ngọc trai, đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo).

(5) **Các loại bao tay (muffs)**, kể cả bao tay được trang trí thuần túy bằng da lông hoặc da lông nhân tạo bên ngoài.

(6) **Các bộ phận bảo vệ tay áo.**

(7) **Băng đầu gối, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 95.06 dùng trong thể thao.**

(8) **Các loại nhãn mác, phù hiệu, biểu tượng, “flashes” và các sản phẩm tương tự (trừ các mẫu hoa văn được thêu thuộc nhóm 58.10)** đã được làm hoàn chỉnh, trừ được làm bằng cách cắt để tạo hình dạng và tạo kích cỡ (Khi được làm bằng cách cắt để tạo hình dạng hoặc kích cỡ thì các sản phẩm đó bị loại ra khỏi nhóm này - được phân loại vào **nhóm 58.07**).

(9) **Các lớp vải lót có thể tháo rời được trình bày riêng lẻ dùng cho áo mưa hoặc các sản phẩm tương tự.**

(10) **Túi, tay áo, cổ áo, cổ áo lông/cổ áo có viền đăng ten (của phụ nữ), khăn trùm, đồ trang trí các loại (như: nơ hoa hồng, nơ con bướm, nếp xếp hình tổ ong (ở đăng ten, ren...), diềm xếp nếp (ở áo phụ nữ) và đường viền ren (ở váy phụ nữ), vạt trên ở phía trước (của áo dài nữ), ren, đăng ten (viền áo cánh đàn bà, ngực áo sơ mi đàn ông), cổ tay áo,**

63.02).

61.17 - Other made, up clothing accessories, knitted or crocheted; knitted or crocheted parts of garments or of clothing accessories.

6117.10 - Shawls, scarves, mufflers, mantillas, veils and the like

6117.80 - Other accessories

6117.90 - Parts

This heading covers made up knitted or crocheted clothing accessories, not specified or included in the preceding headings of this Chapter or elsewhere in the Nomenclature. The heading also covers knitted or crocheted parts of garments or of clothing accessories, (other than parts of articles of **heading 62.12**).

The heading covers, *inter alia*:

(1) **Shawls, scarves, mufflers, mantillas, veils and the like.**

(2) Ties, **bow ties and cravats.**

(3) **Dress shields, shoulder or other pads.**

(4) **Belts of all kinds (including bandoliers) and sashes (e.g., military or ecclesiastical)**, whether or not elastic. These articles are included here even if they incorporate buckles or other fittings of precious metal or are decorated with pearls, precious or semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed).

(5) **Muffs**, including muffs with mere trimmings of furskin or artificial fur on the outside.

(6) **Sleeve protectors.**

(7) **Kneebands, other than those of heading 95.06 used for sport.**

(8) **Labels, badges, emblems, “flashes” and the like (excluding embroidered motifs of heading 58.10)** made up otherwise than by cutting to shape or size. (When made up only by cutting to shape or size these articles are **excluded - heading 58.07**.)

(9) **Separately presented removable linings for raincoats or similar garments.**

(10) **Pockets, sleeves, collars, collarettes, wimples, fallals of various kinds (such as rosettes, bows, ruches, frills and flounces), bodice - fronts, jabots, cuffs, yokes, lapels and similar articles.**

cầu vai/lá sen áo, ve áo và các sản phẩm tương tự;

(11) **Khăn tay.**

(12) **Dải buộc đầu**, dùng để chống lạnh, để giữ tóc, v.v.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Đồ phụ trợ may mặc dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc, thuộc **nhóm 61.11**.

(b) Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng (**nhóm 62.12**).

(c) Thắt lưng chuyên dùng (ví dụ: như thắt lưng của người lau cửa sổ hoặc thắt lưng của thợ điện) hoặc nơ hoa hồng **không phải** loại dùng cho áo quần các loại (**nhóm 63.07**)

(d) Mũ và các vật đội đầu, dệt kim hoặc móc (**nhóm 65.05**) và các phụ kiện của mũ và vật đội đầu (**nhóm 65.07**).

(e) Vật trang trí bằng lông vũ (**nhóm 67.01**).

(f) Hoa, cành, lá, và quả nhân tạo dùng để trang trí thuộc **nhóm 67.02**.

(g) Các dải khuy bấm, móc cài và các mắt cài khóa trên băng dệt kim (**nhóm 60.01, 60.02, 60.03, 83.08** hoặc **96.06**, tùy từng trường hợp).

(h) Khóa kéo (zipper) (**nhóm 96.07**).

Chương 62

Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc

1 Chú giải.

1. Chương này chỉ áp dụng đối với những mặt hàng may sẵn bằng vải dệt bất kỳ trừ mền xơ, không bao gồm các sản phẩm dệt kim hoặc móc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 62.12).

2. Chương này không bao gồm:

(a) Quần áo hoặc hàng may mặc đã qua sử dụng khác thuộc nhóm 63.09; hoặc

(b) Dụng cụ chỉnh hình, đai thắt phẫu thuật, băng giữ hoặc loại tương tự (nhóm 90.21).

3. Theo mục đích của các nhóm 62.03 và 62.04:

(a) Thuật ngữ bộ com-lê" có nghĩa là một bộ quần áo có hai hoặc ba chiếc, có lớp ngoài may bằng cùng một loại vải và bao gồm:

- một áo vét hoặc jacket có lớp ngoài, trừ tay áo, gồm từ 4 mảnh trở lên, được thiết kế để che phần trên của cơ thể, có thể kèm theo một áo gi-lê có thân trước may bằng cùng một loại vải như mặt ngoài của những chiếc khác trong cùng bộ và thân sau may bằng loại vải giống như vải lót của áo vét hoặc jacket; và

- một bộ trang phục được thiết kế để che phần dưới của cơ thể và bao gồm quần dài, quần ống chèn hoặc quần soóc (trừ quần bơi), một chân váy hoặc một

(11) **Handkerchiefs.**

(12) **Headbands**, used as protection against the cold, to hold the hair in place, etc.

The heading **does not include**:

(a) Clothing accessories for babies, knitted or crocheted, of **heading 61.11**

(b) Brassières, girdles, corsets, braces, suspenders, garters and similar articles, and parts thereof (**heading 62.12**).

(c) Belts for occupational use (e.g., window-cleaners' or electricians' belts) or rosettes **not** for garments (**heading 63.07**).

(d) Knitted or crocheted headgear (**heading 65.05**) and fittings for headgear (**heading 65.07**).

(e) Feather trimmings (**heading 67.01**).

(f) Trimmings of artificial flowers, foliage or fruit of **heading 67.02**.

(g) Strips of press fasteners and hooks and eyes on knitted tape (**heading 60.01, 60.02, 60.03, 83.08** or **96.06**, as the case may be).

(h) Slide fasteners (zippers) (**heading 96.07**).

Chapter 62

Articles of apparel and clothing accessories, not knitted or crocheted

Notes.

1. This Chapter applies only to made up articles of any textile fabric other than wadding, excluding knitted or crocheted articles (other than those of heading 62.12).

2. This Chapter does not cover:

(a) Worn clothing or other worn articles of heading 63.09; or

(b) Orthopaedic appliances, surgical belts, trusses or the like (heading 90.21).

3. For the purposes of headings 62.03 and 62.04:

(a) The term suit means a set of garments composed of two or three pieces made up, in respect of their outer surface, in identical fabric and comprising:

- one suit coat or jacket the outer shell of which, exclusive of sleeves, consists of four or more panels, designed to cover the upper part of the body, possibly with a tailored waistcoat in addition whose front is made from the same fabric as the outer surface of the other components of the set and whose back is made from the same fabric as the lining of the suit coat or jacket; and

one garment designed to cover the lower part of the body and consisting of trousers, breeches or shorts (other than swimwear), a skirt or a divided skirt, having